

PHÂN BIỆT

Ý NGHĨA NGÔN NGỮ VÀ Ý NGHĨA PHÁT NGÔN

TRONG DỊCH THUẬT

VŨ VĂN ĐẠI*

Trong những nghiên cứu về lý thuyết dịch mà chúng tôi được biết, hai khái niệm cơ bản thường được các tác giả đề cập đến nhiều là ý nghĩa ngôn ngữ (*signification*) và ý nghĩa phát ngôn (*sens*). Nội hàm của những khái niệm này đã được phân tích và minh họa bằng những ví dụ xác đáng. Có thể kể đến các công trình của các học giả thuộc trường phái ESIT, Paris như Sleskovitch, Lederer (1986), Laplace, của các nhà nghiên cứu Canada (Delisle 1980)... Chúng tôi cũng đã có dịp trình bày vấn đề này trong một bài báo nhan đề “*Comment comprendre le sens*” (Hiểu ý nghĩa phát ngôn thế nào)” đăng trên BUFLE, Bản tin chuyên môn của các giáo viên tiếng Pháp, năm 1988. Khái niệm *sens* cũng được nhiều tác giả nghiên cứu về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ đề cập trong một số công trình nghiên cứu về phương pháp dạy đọc hiểu hay về giao tiếp liên văn hoá (Phạm Đức Sử 2001, Nguyễn Văn Mạnh 2006, Nguyễn Hữu Hải 2006...). Rõ ràng *nghĩa* là một khái niệm quan trọng thu hút sự chú ý của nhiều công trình nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên *ý nghĩa ngôn ngữ* và *ý nghĩa phát ngôn* không phải là những khái niệm rõ ràng hiển nhiên, dễ phân định, dễ tiếp thu đối với người học. Đặc biệt trong lĩnh vực dịch thuật việc phân biệt và ứng dụng hai khái niệm quan trọng này thường gây không ít khó khăn, dẫn đến cách hiểu chưa đúng. Vậy sự khác biệt giữa hai khái niệm đó là gì? Chúng có tạo ra một quan hệ đối lập hay sự phân biệt chúng chỉ đơn thuần đặt ra do yêu cầu về mặt phương pháp? Vận dụng chúng để lý giải và biện minh cho các giải pháp dịch như thế nào? Bài báo này nhằm làm sáng tỏ những vấn đề nêu trên. Trước hết, chúng tôi sẽ trình bày quan điểm của các nhà ngôn ngữ học về khái niệm *nghĩa*, sau đó sẽ phân tích những cơ sở ngôn ngữ và phương pháp của các nhà lý thuyết dịch giải nghĩa trong việc phân biệt *ý nghĩa ngôn ngữ* và *ý nghĩa phát ngôn*. Phần cuối của bài viết giới thiệu việc ứng dụng những nguyên

* PGS.TS. Trường Đại học Hà Nội

tắc lý thuyết-phương pháp đã trình bày trong thực hành dịch một tác phẩm văn học theo chiều Pháp-Việt.

1. Khái niệm ý nghĩa theo quan điểm ngôn ngữ học

Trong số các định nghĩa về ý nghĩa ngôn ngữ trước hết phải kể đến quan điểm của F. de Saussure. Trong các công trình nghiên cứu của ông chúng ta gặp thuật ngữ *signifié*, chỉ mặt được biểu hiện của ký hiệu ngôn ngữ, tức là nội dung khái niệm, mặt kia là *signifiant*, mặt biểu hiện tương ứng với hình ảnh âm thanh, hay vỏ ngữ âm của ký hiệu ngôn ngữ. Tuy nhiên Saussure không đề cập nhiều đến bản chất của nội dung *khái niệm (concept)* như một mặt của ký hiệu ngôn ngữ, mà chủ yếu đi sâu phân tích về tính kết hợp vô đoán giữa hai mặt của ký hiệu.

Ngữ nghĩa học với tư cách là một ngành nghiên cứu ngôn ngữ cũng chưa đưa ra một định nghĩa tường minh về *sens* và *signification*, đặc biệt chưa phân định rõ ràng hai khái niệm này mà chú trọng nhiều hơn đến sự phân biệt giữa *signification* và *designation*. Nói một cách tổng quát ý nghĩa của các đơn vị từ ngữ thuộc hệ thống ngôn ngữ, tương ứng với *nội dung khái niệm* trong thuật ngữ của Saussure, được xác định khi từ ngữ được đặt vào thể đối lập trong hệ hình và trong thể tương phản trên trục ngữ đoạn thì được gọi là *signication*, còn khi các đơn vị ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp để *chỉ* các sự vật, hiện tượng, tính chất, sự tình trong thực tế ngoài ngôn ngữ, thường được gọi là *sở chỉ* (référents) thì được gọi là *designation*. Ví dụ trong câu tiếng Pháp sau: «K-Way reprend des couleurs. Au bord du gouffre en 1999, la célèbre marque de coupe-vent veut s'émanciper de son côté «colonie de vacances» pour flirter avec la mode sportswear haut de gamme. De 200 F pour la «*banane*» au look modernisé qui sent bon l'enfance, à 1500 F version parka doublée et réversible. I. DOISIEAU, *Le Point*, 1998, N° 1367», ý nghĩa ngôn ngữ, tức là ý nghĩa cho trong từ điển của từ *banane* là *quả chuối*, nhưng trong câu trên từ này chỉ chiếc áo gió nhãn hiệu K-Way, khi gấp lại trong túi đựng thì giống hình quả chuối. Như vậy các nhà ngữ nghĩa học đã nhận thấy trong một số trường hợp sử dụng có sự chênh lệch giữa ý nghĩa ngôn ngữ và sở chỉ của chúng, nói cách khác họ đã nhận diện được sự *chuyển dịch* ý nghĩa của các đơn vị từ ngữ trong hệ thống ngôn ngữ tiềm ẩn khi chúng được sử dụng trong phát ngôn. Tuy nhiên các nhà ngữ nghĩa học cũng chưa phân biệt cụ thể *signification* và *sens*.

Rõ ràng trong ngôn ngữ học, *sens* là một khái niệm chưa được định nghĩa rõ ràng. Các nhà nghiên cứu cho rằng đây là một khái niệm tương đối mờ (vague). J. Dubois (1994) nhận xét trong quan điểm của F. de Saussure, *sens* của ký hiệu ngôn ngữ được tạo ra khi nó được sử dụng trong phát ngôn và gọi ra một biểu tượng nào đó. Tuy nhiên, nhà ngôn ngữ cấu trúc không đưa ra một định nghĩa cụ thể về *sens* mà tiếp cận khái niệm này dưới nhiều khía cạnh: *sens* được xem là kết quả của hành vi cắt lát đồng thời khối tư duy và khối âm thanh, cả hai đều vô dạng, *sens* là một “giá trị” bắt nguồn từ hệ thống ngôn ngữ, *sens* là một hiện tượng liên tưởng. F. de Saussure quan niệm “giá trị” (valeur) của một từ chỉ là một yếu tố trong nội dung ý nghĩa của nó: ví dụ, nghĩa của từ tiếng Anh *sheep* và từ tiếng Pháp *mouton* là đồng nhất nhưng giá trị của chúng thì khác nhau vì nhiều lý do, nhất là vì trong tiếng Anh ngoài từ *sheep* ra còn có từ *mutton*, trong khi đó tiếng Pháp chỉ có một từ duy nhất là *mouton* và để chỉ miếng thịt cừu đã nấu chín phục vụ tại bàn ăn, tiếng Anh dùng từ *mutton* chứ không dùng từ *sheep*. Tóm lại, theo Saussure, *sens* bắt nguồn từ sự kết hợp của tư duy với vỏ ngữ âm trong một hệ thống ngôn ngữ mà các đơn vị được xác định bằng sự khu biệt với các đơn vị khác.

Trường phái hành vi luận của ngôn ngữ học Mỹ (behaviorisme) ra đời sau cấu trúc luận nhưng không đồng quan điểm với Saussure. Đối với L. Bloomfield, ý nghĩa của một đơn vị là tổng các tình huống mà nó xuất hiện với tư cách là tác nhân kích thích (*stimulus*) và các ứng xử-hồi đáp mà tác nhân đó gây ra đối với người đối thoại. Từ quan điểm này các nhà chủ thuyết hành vi cho rằng do không thể liệt kê toàn bộ các tình huống giao tiếp nên không cần thiết phải đặt ra vấn đề ý nghĩa. Do vậy nghiên cứu ý nghĩa thuộc về lĩnh vực tâm lý ứng xử (nghiên cứu về kích thích-phản ứng) và các lĩnh vực khoa học chuyên ngành khác. Quan điểm của các nhà hành vi luận cho thấy muốn đáp lại những tác nhân kích thích bằng các ứng xử phù hợp, người giao tiếp chắc chắn phải hiểu ý nghĩa của phát ngôn. Khi nghe «*Anh làm ơn cho tôi quả táo*», người nhận tin trong tình huống bình thường sẽ phải cầm một quả táo đưa cho người kia. Ở đây hành vi luận đã đề cập đến ý nghĩa phát ngôn theo cách của riêng mình.

Ngôn ngữ học chức năng với một trong những đại diện kiệt xuất là A. Martinet thì quan niệm *sens* xuất hiện khi nội dung khái niệm và đơn vị được tạo ra qua lần kết hợp thứ nhất được đặt trong một mối quan hệ. Như chúng ta đã biết một trong những phát hiện quan trọng của A. Martinet là hiện tượng hai lần kết hợp của ngôn ngữ (double articulation): các yếu tố ngôn ngữ trước hết kết hợp

với nhau thành *từ vị* (monème), tức là kết hợp lần một hay bậc một, sau đó theo một chuỗi liên tục, lại kết hợp thành các *âm vị* (phonème), tức là kết hợp lần hai, *sens* xuất hiện ở bậc kết hợp lần một (từ vị), còn âm vị là “điều kiện đảm bảo cho tính vô đoán của ký hiệu ngôn ngữ”. Tuy nhiên nhà ngôn ngữ học chức năng cũng chưa phát biểu gì về mối quan hệ giữa *sens* và *signification*.

Nghĩa luôn là một vấn đề quan trọng đối với các nhà ngôn ngữ học miêu tả dù họ có những ý kiến khác nhau. Ngược lại, đối với ngôn ngữ học tạo sinh chuyển đổi tầm quan trọng của vấn đề đã giảm đi rất nhiều. Ngôn ngữ học tạo sinh không đặt ra câu hỏi «ý nghĩa của từ này, của cấu trúc này là gì?» mà quan tâm đến việc tạo ra những phát ngôn đúng nghĩa, cho phép diễn giải ý nghĩa của mọi phát ngôn trong ngôn ngữ đang xét đến. Hệ quả của quan điểm này là:

- (1) nghĩa của câu khác nhau là do thay đổi cách phân định biểu đồ cú đoạn.

Ví dụ, câu:

J'ai reçu un livre de lui (Tôi nhận được một quyển sách từ anh ta) có thể phân tích theo hai hai biểu đồ cú đoạn tương ứng với hai ý nghĩa: a) *J'ai reçu un livre qu'il a écrit* (Tôi nhận được một quyển sách do anh ta viết); b) *J'ai reçu un livre qu'il m'a envoyé* (Tôi nhận được một quyển sách mà anh ta gửi).

- (2) có hai loại câu được sản sinh: câu đúng ngữ pháp và câu có nghĩa. Ví dụ, câu:

D'incolores idées vertes dorment furieusement (Những ý tưởng xanh không màu ngủ một cách giận dữ) là câu đúng ngữ pháp nhưng vô nghĩa, trong khi đó câu *Moi vouloir manger* (tôi muốn ăn), là câu sai ngữ pháp nhưng có nghĩa. Câu đúng ngữ pháp phải là: *Je voudrais manger*.

Phân tích những quan điểm ngôn ngữ học trên đây cho thấy chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa ý nghĩa ngôn ngữ (*signification*) và ý nghĩa phát ngôn (*sens*). Tuy nhiên, hai khái niệm này rất quan trọng đối với dịch thuật. Đặc biệt, khái niệm *sens* được coi là đối tượng của lý thuyết dịch nghĩa (théorie du sens). Sở dĩ có hiện tượng này là vì đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học là hệ thống ngôn ngữ gồm các tiểu hệ thống trong đó có tiểu hệ thống từ vựng, cú pháp với các giá trị ngữ nghĩa được xem là ổn định, trong khi đó ý nghĩa phát ngôn (*sens*) chỉ xuất hiện ở địa hạt phát ngôn, tức là địa hạt sử dụng ngôn ngữ. Các nhà lý thuyết dịch khi quan-sát hoạt động biên phiên dịch là những người đã phát hiện và khái quát hoá vấn đề này. Phần dưới đây chúng tôi sẽ trình bày quan điểm của họ về hai khái niệm đã nêu.

2. Ý nghĩa ngôn ngữ và ý nghĩa phát ngôn theo quan điểm lý thuyết dịch giải nghĩa

Theo các nhà lý thuyết dịch, nội dung khái niệm của các đơn vị ngôn ngữ cần được phân tích trên hai cấp độ, cấp độ ngôn ngữ và cấp độ lời nói. Kết quả phân tích ở mỗi cấp độ cho phép xác định được ý nghĩa ngôn ngữ (*signification*) hoặc ý nghĩa phát ngôn (*sens*). Nói chung các nhà lý thuyết dịch thường quan niệm ý nghĩa ngôn ngữ của một từ là nội dung khái niệm mà nó biểu thị trong hệ thống ngôn ngữ trừu tượng. Mọi từ đều có thể đa nghĩa. Những ý nghĩa khác nhau này (*acception*) có thể nhận biết được mà không cần dựa vào ngữ cảnh, vì vậy có thể liệt kê những ý nghĩa khác nhau của một từ đa nghĩa trong từ điển. Ví dụ từ *carte* trong hệ thống từ vựng tiếng Pháp có ba ý nghĩa là *bản đồ*, *quân bài*, *tấm thẻ*. Đây là những ý nghĩa tiềm ẩn nhận diện được mà không phụ thuộc vào ngữ cảnh. Ý nghĩa phát ngôn là ý nghĩa thích đáng nhất của đơn vị từ ngữ được sử dụng trong một phát ngôn trong đó nhờ có ngữ cảnh và tình huống giao tiếp tính đa nghĩa của từ bị loại trừ. Nói cách khác, trong phát ngôn các đơn vị ngôn ngữ đều trở thành đơn nghĩa. Ví dụ của M. Lederer (1986, tr.50) cho thấy phát ngôn *J'ai acheté le journal* (Anh đã mua báo rồi), ngoài ngữ cảnh có thể có ba ý nghĩa: a) Anh đã mua tờ báo mà chúng ta thường đọc; b) Anh đã hỏi lộ tờ báo đó; c) Anh đã mua doanh nghiệp xuất bản tờ báo đó. Nhưng trong tình huống một người chồng nói với vợ khi thấy vợ chuẩn bị đi ra ngoài mua báo như thường lệ, thì phát ngôn chỉ còn duy nhất một ý nghĩa đó là (a): anh chồng muốn nói «Em không phải mua nữa.»

Như vậy, từ nào cũng có thể có một hoặc nhiều ý nghĩa, mọi phát ngôn với tư cách là một chuỗi kết hợp từ ngữ có thể biểu thị ý nghĩa khác với ý nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ. Nhưng để có giá trị giao tiếp, tức là để có ý nghĩa phát ngôn, các đơn vị từ phải nằm trong một khung phát ngôn, phải được hiện thực hoá, có nghĩa là được sử dụng trong một hành vi lời nói và quy chiếu về một thực thể cụ thể hay trừu tượng. Tóm lại, ý nghĩa ngôn ngữ là do hệ thống ngôn ngữ tiềm ẩn cung cấp, ý nghĩa tìm được trong từ điển, trong khi đó ý nghĩa phát ngôn xuất hiện trong phát ngôn, không có sẵn mà được người nói người nghe xây dựng lên trên cơ sở các yếu tố ngôn ngữ và các tham số ngoài ngôn ngữ. Đây chính là các yếu tố tri nhận về tình huống và ngữ cảnh mà những người tham gia giao tiếp bổ sung thêm cho phát ngôn cụ thể. Ví dụ, trong lớp học, lúc này là mùa đông, trời rất lạnh, cửa phòng học mở toang, gió đông bắc thổi vào lớp, tôi nhìn em

sinh viên ngồi gần cửa và nói: «*Cái cửa kia em!*» Trong tình huống ấy em sinh viên sẽ đứng dậy đóng cửa lại vì em hiểu ý nghĩa phát ngôn của tôi, dựa trên yếu tố ngôn ngữ (những lời tôi nói) và tình huống em đang trải qua (cửa mở, gió đông bắc và trời lạnh). Nhưng nếu tôi và em tôi đang chờ một người thợ mang chiếc cửa mà tôi đặt đến lắp cho nhà tôi, và người thợ đó mang cửa đến, ý nghĩa phát ngôn của tôi sẽ là «*Cuối cùng thì họ đã mang cửa đến!*», hay «*Cuối cùng thì nhà ta đã có cửa!*»

Tóm lại, ý nghĩa phát ngôn có đặc điểm là không định trước, có thể hoàn toàn mới so với ý nghĩa ngôn ngữ, và rộng hơn ý nghĩa ngôn ngữ rất nhiều. Quả vậy, không từ điển nào cung cấp cho người dịch nghĩa của từ *banane* là *cái túi đựng áo gió hình quả chuối*. Chỉ trong ngữ cảnh của ví dụ chúng tôi nêu trên đây ý nghĩa phát ngôn này mới hình thành và do người đọc diễn giải ra. Năng lực diễn giải của từng người đọc khác nhau phụ thuộc vào trình độ ngôn ngữ của mỗi người. Vì vậy, cùng một nguyên bản nhưng người thì dịch đúng, người thì dịch sai, cái sai và cái đúng lại chia thành mức độ hoàn toàn hay từng phần. Tất cả phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ, năng lực xây dựng ý nghĩa phát ngôn của người dịch. Người dịch luôn phải ý thức rằng ý nghĩa phát ngôn chỉ có thể tồn tại trong một tổng thể ngôn ngữ, ngữ cảnh và tình huống. Đơn vị ngôn ngữ đơn lẻ, không xuất hiện trong một ngữ cảnh và tình huống phát ngôn cụ thể, không nằm trong một mối quan hệ phụ thuộc thì chỉ mang ý nghĩa ngôn ngữ. Ý nghĩa phát ngôn xuất hiện ở cấp độ lời nói, do những người tham gia giao tiếp xây dựng lên và có giá trị giao tiếp. Tuy nhiên cũng cần lưu ý sự phân biệt ý nghĩa ngôn ngữ/ ý nghĩa phát ngôn là cần thiết về mặt phương pháp, nhưng hai khái niệm này không đối lập nhau. Xuất phát từ ý nghĩa ngôn ngữ, các đơn vị từ và câu được sử dụng trong phát ngôn có thể có sự chuyển dịch về ý nghĩa do xuất hiện yếu tố *ngữ cảnh* và *tình huống phát ngôn* và *các yếu tố tri nhận bổ sung* của người nói. Điều này có nghĩa không phải lúc nào từ ngữ cũng có sự chuyển nghĩa: có nhiều trường hợp ý nghĩa ngôn ngữ trùng khớp với ý nghĩa phát ngôn (xem phần 3).

Hệ quả của sự phân biệt ý nghĩa phát ngôn và ý nghĩa ngôn ngữ đối với dịch thuật là vô cùng quan trọng. Trước hết, do ý nghĩa phát ngôn không có sẵn, không thể định trước, nhiệm vụ đầu tiên của người dịch là diễn giải và xác định chính xác ý nghĩa phát ngôn. Đây là nội dung cần chuyển dịch bằng phương tiện diễn đạt của ngôn ngữ đích. Nói cách khác, nắm bắt ý nghĩa phát ngôn là điều kiện tiên quyết đối với người dịch. Thiếu kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho phép

giải mã các yếu tố ngôn ngữ nguồn, thiếu năng lực tri nhận bổ sung, người dịch khó có thể nhận diện ý nghĩa phát ngôn. Trong phần tiếp theo của bài báo chúng tôi sẽ dẫn các ví dụ dịch văn học để chứng minh cho nhận định này.

3. Phân biệt ý nghĩa ngôn ngữ và ý nghĩa phát ngôn qua một bản dịch

Bản dịch mà chúng tôi giới thiệu dưới đây là những trích đoạn tiểu thuyết «Les conspirateurs» (Những kẻ mưu phản), Nxb *Albin Michel*, Paris, 2005. Tác giả **Shan Sa** (Sơn Tuyết) là một nữ văn sĩ Pháp gốc Trung Quốc, đã khá quen thuộc với độc giả Việt nam qua cuốn «La joueuse de go» (Thiếu nữ đánh cờ vây), được giải thưởng cho cây bút trẻ ở Pháp. Đặc điểm tiểu thuyết của Sơn Tuyết là số lượng nhân vật tương đối ít và bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật rất sâu sắc. Hai nhân vật chính của *Thiếu nữ đánh cờ vây* là viên sĩ quan Nhật và một thiếu nữ Trung Hoa. Trong *Mưu phản* cũng chỉ có ba nhân vật chính: một là điệp viên của Trung Quốc (Ayamei), một là điệp viên của Mỹ, người thứ ba là tình báo Pháp. Hai đoạn trích nguyên bản và bản dịch của chúng tôi dưới đây sẽ chứng minh về tầm quan trọng của thao tác phân biệt hai loại ý nghĩa trong dịch.

1968, en Chine, dans ce pays où le soleil décline tandis qu'il se lève en Europe, la Révolution culturelle fait rage. Les parents d'Ayamei, des universitaires, vont effectuer plusieurs séjours dans des camps de rééducation, laissant leur fille unique aux soins de la grand-mère paternelle.

Trong đoạn này ý nghĩa ngôn ngữ (YNNN) và ý nghĩa phát ngôn (YNPN) trùng nhau, không có sự chuyển dịch nghĩa của từ ngữ. Tuy nhiên, việc bố trí sắp xếp lại trật tự của các mệnh đề phụ cho phù hợp với đặc điểm của tiếng Việt là cần thiết. Giải pháp dịch được đề xuất là:

Năm 1968, cách mạng văn hoá diễn ra dữ dội ở Trung Quốc, mặt trời đã xế bóng ở đất nước này trong khi đó ở Âu châu nó đang lên. Cha mẹ Ayamei vốn là giáo viên đại học, phải đi trại cải tạo nhiều lần và phải giao đứa con gái độc nhất của mình cho bà nội chăm sóc.

A 6 ans l'enfant est envoyée à l'école de l'Orient Rouge, aujourd'hui rasée et remplacée par un grand magasin. Dans cette biographie officieuse, pas une ligne sur son corps qui poussait, ses sentiments qui se formaient, pas un mot sur son apprentissage de la discipline, les premiers exercices de la raison.

Trong đoạn này, YNNN của *l'enfant* là *đứa bé*, ở đây từ này chỉ Ayamei; *poussait*: YNNN là *đẩy, thúc đẩy, mọc*, YNPN là *phát triển*:

6 tuổi cô bé được đi học ở trường Đông Phương hồng, ngày nay đã bị phá bỏ, nhường chỗ cho một cửa hàng lớn. Trong bản tiểu sử không chính thức này không một dòng nào nói về cơ thể đang phát triển của cô, không một lời về việc cô học tập kỷ luật, bài tập rèn luyện lý trí đầu đời.

Le monde du renseignement fait également abstraction des vêtements. Mais Jonathan devine que sous l'influence révolutionnaire du voisin soviétique, elle a du porter l'uniforme des Jeunes Pionniers, chemisier blanc, pantalon bleu et foulard pourpre, le tout en coton car la soie avait disparu dans ce pays menacé par la famine.

Đoạn này không có vấn đề gì về YNNN và YNPN vì không có sự chuyển dịch nghĩa, nhưng cần làm sáng tỏ sở chỉ của người láng giềng Xô Viết chỉ Liên Xô trước đây; động từ disparaître có YNNN là *biến mất, mất tăm* được dịch bằng một đặc ngữ của tiếng Việt:

Giới tình báo cũng bỏ qua chi tiết về quần áo. Nhưng Jonathan đoán rằng chịu ảnh hưởng cách mạng của nước Liên Xô láng giềng, chắc cô ta cũng mặc đồng phục thiếu niên tiên phong, sơ mi trắng, quần xanh, khăn quàng đỏ, tất cả đều bằng vải bông vì đất nước cô bị nạn đói đe dọa nên không còn bóng dáng của lụa là.

En revanche, il ignore les sports préférés et les aliments quotidiens de la petite fille. Il ne peut non plus reconstituer ses cris de joie et ses sanglots. Il est incapable de dire si elle a lu des contes traditionnels, si, au cours de ses nuits paisibles, elle a rêvé des arbres chantants, des oiseaux masqués, des chats seigneurs d'un royaume d'abondance et d'insouciance.

Trong đoạn này YNNN của động từ *ignorer* trong phát ngôn sẽ được chuyển thành *ne pas connaître* (không biết)

Tuy nhiên anh hoàn toàn không biết cô bé thích chơi thể thao gì, ăn uống hàng ngày như thế nào. Anh cũng không thể hình dung được tiếng reo vui hay tiếng nức nở của cô bé. Anh không thể nói cô bé có đọc truyện cổ tích hay không, trong những đêm thanh tịch cô có mơ thấy cây cối biết hát, chim chóc mang mặt nạ, những con mèo chúa của một vương quốc giàu có và vô tư.

Il n'a droit à cette date: 9/9/1976, Ayamei entre en deuxième année du collège. Le président Mao décède. Fin de la Révolution culturelle.

Anh chỉ được quyền biết một cái mốc: 9 tháng 9 năm 1976, Ayamei bước vào năm thứ hai trường trung học cơ sở. Chủ tịch Mao từ trần. Cách mạng văn hoá chấm dứt.

Từ date có YNNN là ngày tháng, nhưng trong phát ngôn trên có nghĩa là mốc thời gian; cách diễn giải này phù hợp hơn vì nhân vật tình báo Mỹ đang đọc lại hồ sơ của Ayamei.

Un agent qui a réussi à rejoindre Pékin cette année-là, a laissé un rapport qui, trente ans plus tard, donne à Jonathan un éclairage intéressant sur sa cible. Il raconte qu'au début du mois de novembre, quand souffla le vent cinglant de Sibérie, toute la ville fut prise d'une activité fébrile, comme si les habitants se préparaient à soutenir un siège.

Trong đoạn này *cible* có YNNN là mục tiêu; *siège* trong ngôn ngữ là một từ đa nghĩa: ghé ngò, trụ sở, ghé trong một tổ chức chính trị, sự vây hãm. Trong phát ngôn này nó chỉ còn một ý nghĩa duy nhất là sự vây hãm.

Năm ấy một điệp viên hoạt động ở Bắc Kinh đã để lại một bản báo cáo. 30 năm sau tài liệu ấy còn giúp cho Jonathan biết được những điều thú vị về mục tiêu của mình. Báo cáo cho biết vào đầu tháng mười một, khi cái gió lạnh từ Xibêri thổi về quét vào da thịt, người dân bị cuốn vào một công việc gấp gáp, như thể họ phải chuẩn bị chống lại sự vây hãm thành phố.

Il balbutie:

- *Vous êtes une femme qui a changé l'Histoire contemporaine. Je ne suis qu'un homme ordinaire, un ingénieur en informatique. Maintenant je ne sais plus comment vous parler.*
- *Commençons par nous tutoyer, qu'en penses-tu?*

Jonathan s'essouffle intérieurement. Cette femme est un coffre-fort mais il vient de trouver la combinaison.

Đoạn trên là một ví dụ đáng phân tích về YNNN và YNPN: trong ngôn ngữ *combinaison* là một từ đa nghĩa. Từ điển Lê Khả Kế, Nguyễn Lân cho nghĩa của từ này, (1981, tr. 229) là: sự phối hợp, hợp chất, sự trừu tượng, trừu tượng, mưu mô, mưu mẹo, bộ áo liền quần. Chỉ dựa vào từ điển này sẽ không thể dịch được hoặc dịch sai nghĩa của câu trên. Nhờ vào ngữ cảnh ta có thể suy ra từ *combinaison* có nghĩa khác. Từ điển tường giải đơn ngữ Hachette 1997, (tr. 271) cho nghĩa của từ này là: «ensemble de chiffres ou de lettres que l'on forme au moyen de boutons moletés, de cadrans, etc. pour faire jouer un système de fermeture (cadenas, serrure de coffre-fort, etc.) dit à combinaison.» Như vậy YNPN của nó là mã khoá. Cũng như vậy *coffre-fort* trong ngôn ngữ có nghĩa là két sắt, trong phát

ngôn này chỉ người bí ẩn khó hiểu. Có thể dùng phương pháp «kính màu» của Mounin dịch nguyên văn sang tiếng Việt để giữ lại sắc thái này, như trong giải pháp dưới đây:

Anh đáp ứng:

- *Cô là người phụ nữ đã thay đổi Lịch sử cận đại. Tôi chỉ là một người bình thường, một kỹ sư tin học. Bây giờ tôi không biết phải nói chuyện với cô như thế nào.*
- *Trước hết chúng ta hãy xưng anh em với nhau. Anh nghĩ sao ?*

Jonathan thấy nghệt thờ. Người phụ nữ này là một cái kết sắt, nhưng anh vừa tìm được mã khoá.

Cũng có thể dùng thủ pháp tương đương biểu cảm và đề xuất một giải pháp dịch khác. Ví dụ.

Anh đáp ứng:

- *Cô là người phụ nữ đã thay đổi Lịch sử cận đại. Tôi chỉ là một người bình thường, một kỹ sư tin học. Bây giờ tôi không biết phải nói chuyện với cô như thế nào.*
- *Trước hết chúng ta hãy xưng anh em với nhau. Anh nghĩ sao ?*

Jonathan thấy nghệt thờ. Người phụ nữ này là một ẩn số, nhưng anh vừa tìm được lời giải.

4. Kết luận

Phân tích hai khái niệm ý nghĩa ngôn ngữ và ý nghĩa phát ngôn cho thấy hai loại ý nghĩa này không đối lập nhau, và sự khác biệt giữa chúng xuất hiện trong phát ngôn, trong đó có sự chuyển dịch ý nghĩa ngôn ngữ do ảnh hưởng của ngữ cảnh và tình huống phát ngôn. Về mặt phương pháp, sự phân biệt giữa chúng có tầm quan trọng đặc biệt đối với dịch thuật. Trong hoạt động dịch được định nghĩa là một hành vi giao tiếp, nhằm mục tiêu chuyển tải một thông điệp từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích, nhận diện được ý nghĩa phát ngôn dựa trên các ý nghĩa ngôn ngữ ổn định của từ ngữ là điều kiện tiên quyết đảm bảo tính chính xác của bản dịch và đảm bảo cho bản dịch thực hiện thành công chức năng giao tiếp. Việc phân biệt hai loại ý nghĩa này cũng mở ra nhiều khả năng ứng dụng trong giảng dạy thực hành dịch. Các bài tập phân biệt hai loại ý nghĩa được thực hiện trước khi chuyển ngữ sẽ góp phần đáng kể giúp sinh viên tránh lỗi dịch và tìm ra giải pháp dịch xác đáng.

